**BÀI 31**

**VAI TRÒ VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG NGHIỆP. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

1. **VAI TRÒ**
* Có vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân
* Thúc đẩy sự phát triển của nhiều ngành kinh tế khác và củng cố an ninh quốc phòng.
* Tạo điều kiện khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, làm thay đổi sự phân công lao động và giảm sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng lãnh thổ.
* Sản xuất ra các sản phẩm mới, tạo khả năng mở rộng sản xuất, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập.
1. **CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**
* **Vị trí địa lí:** Ảnh hưởng tới sự lựa chọn địa điểm, cơ cấu ngành công, hình thức tổ chức lãnh thổ.
* **Nhân tố tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên:** Là nhân tố quan trọng cho sự phát triển và phân bố công nghiệp.
* **Dân cư, kinh tế - xã hội:**
* Dân cư, lao động: Số lượng và chất lượng lao động có ảnh hưởng đến phát triển và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp.
* Tiến bộ khoa học kĩ thuật: Làm cho việc khai thác sử dụng tài nguyên và phân bố hợp lí các ngành công nghiệp.
* Thị trường: Có tác động mạnh mẽ tới việc lựa chọn vị trí xây dựng xí nghiệp, hướng chuyên môn hóa sản xuất.

**-----------------------🖎🕮✍-----------------------**

**BÀI 32**

**ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

1. **CÔNG NGHIỆP NĂNG LƯỢNG**
2. **Vai trò**
* Là ngành kinh tế quan trọng và cơ bản.
* Là nền tảng cho sự phát triển của nền công nghiệp hiện đại.
* Là tiền đề của tiến bộ khoa học kĩ thuật.
1. **Cơ cấu – tình hình sản xuất – phân bố**
2. ***Khai thác than***
* Vai trò:
* Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện, luyện kim.
* Nguyên liệu quý cho CN hóa chất.
* Trữ lượng: 13.000 tỉ tấn (3/4 than đá)
* Sản lượng: 5 tỉ tấn/năm
* Quốc gia khai thác nhiều: Hoa Kì, LB Nga, Trung Quốc, Ôxtrâylia...
1. ***Công nghiệp khai thác dầu***
* Vai trò:
* Nhiên liệu quan trọng “vàng đen” của nhiều quốc gia.
* Nguyên liệu cho CN hóa chất.
* Trữ lượng: chắc chắn 140 tỉ tấn
* Sản lượng: 3,8 tỉ tấn/năm
* Quốc gia khai thác nhiều: Trung Đông, Bắc Phi, Mỹ Latinh, ĐNÁ...
1. ***Công nghiệp điện lực***
* Vai trò: Cơ sở phát triển nền công nghiệp hiện đại, nâng cao đời sống văn hóa, văn minh.
* Cơ cấu: Nhiệt điện, thủy điện, điện nguyên tử...
* Sản lượng: 15.000 tỉ kWh
* Phân bố: Tập trung ở các nước phát triển
1. **CÔNG NGHIỆP LUYỆN KIM** (Giảm tải)
2. **CÔNG NGHIỆP CƠ KHÍ** (Giảm tải)
3. **CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ - TIN HỌC**
4. **Vai trò**
* Là ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều nước.
* Là thước đo trình độ phát triển kinh tế- kĩ thuật của một quốc gia.
1. **Phân loại**
* Máy tính
* Thiết bị điện tử
* Điện tử tiêu dùng
* Thiết bị viễn thông
1. **Phân bố**
* Tập trung ở các nước phát triển: Hoa Kì, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc...
1. **CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT** (Giảm tải)
2. **CÔNG NGIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG**
3. **Vai trò**
* Sản phẩm đa dạng, phục vụ nhu cầu nhân dân.
* Thúc đẩy nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác phát triển.
* Cung cấp hàng xuất khẩu.
* Giải quyết việc làm.
1. **Đặc điểm**
* Đòi hỏi vốn đầu tư ít, khả năng thu hồi vốn nhanh.
* Cần nhiều lao động, nguồn nguyên liệu và thị trường.
* Cơ cấu ngành đa dạng: Trong đó công nghiệp dệt may là một trong những ngành chủ đạo.
1. **Phân bố**
* Phân bố rộng rãi trên thế giới
* Các nước có ngành dệt may phát triển: Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kì, Nhật Bản...
1. **CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM**
2. **Vai trò**
* Cung cấp sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ăn uống cho con người.
* Thúc đẩy nông nghiệp phát triển
* Là mặt hàng xuất khẩu.
1. **Đặc điểm**
* Tốn ít vốn đầu tư, quay vòng vốn nhanh
1. **Phân loại:** gồm 3 ngành
* Công nghiệp chế biến sản phẩm trồng trọt
* Công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi
* Công nghiệp chế biến thủy sản
1. **Phân bố**
* Phân bố rộng rãi trên thế giới. Trong đó, ở nhiều nước đóng vai trò chủ đạo.

**-----------------------🖎🕮✍-----------------------**

**BÀI 33**

**MỘT SỐ HÌNH THỨC CHỦ YẾU CỦA TỔ CHỨC**

**LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP**

1. **VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP**
2. **MỘT SỐ HÌNH THỨC CỦA TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP**
3. **Điểm công nghiệp**
* Đồng nhất với điểm dân cư.
* Gồm 1 vài xí nghiệp riêng lẻ nằm gần nguồn nguyên, nhiên liệu.
* Không có mối lên hệ giữa các xí nghiệp.
1. **Khu công nghiệp tập trung**
* Khu vực đất đai có ranh giới rõ ràng (vài trăm ha), vị trí thuận lợi.
* Tập trung nhiều các nghiệp có hợp tác sản xuất cao.
* Sản phẩm vừa phục vụ trong nước, vừa xuất khẩu.
* Có các xí nghiệp dịch vụ hổ trợ.
1. **Trung tâm công nghiệp**
* Là khu vực tập trung công nghiệp gắn với đô thị vừa và lớn, có vị trí thuận lợi.
* Gồm nhiều khu công nghiệp, điểm công nghiệp và nhiều xí nghiệp công nghiệp có mối liên hệ chặt chẽ
* Có các xí nghiệp hạt nhân
* Có các xí nghiệp bổ trợ, phục vụ.
1. **Vùng công nghiệp**
* Là một vùng lãnh thổ rộng lớn.
* Gồm nhiều điểm, khu CN, trung tâm CN có mối liên hệ SX chặt chẽ và có những nét tương đồng trong quá trình hình thành CN.
* Có một vài ngành công nghiệp chủ yếu tạo nên hướng chuyên môn hóa.
* Có các ngành phục vụ, bổ trợ